

Yên Châu, ngày 24 tháng 5 năm 2026

**BẢN CÔNG KHAI TÀI CHÍNH NẤU ĂN**

1.	Tổng số học sinh của trường	99	Học sinh			
2.	Số học sinh cắt cơm	0	Học sinh			
3.	Số học sinh ăn sáng:	99	Học sinh	Tiền ăn:	7.000 đồng	= 693.000 đồng
5.	Số học sinh ăn trưa:	99	Học sinh	Tiền ăn:	23.000 đồng	= 2.277.000 đồng
6.	Số học sinh ăn tối:	99	Học sinh	Tiền ăn:	23.000 đồng	= 2.277.000 đồng
8.	Tiền thu:				5.247.000 đồng	
9.	Tiền chi lương thực, thực phẩm trong ngày:				5.247.000 đồng	
10.	Tiền thiếu:				0 đồng	

**Đơn vị thực hiện :**

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Gạo	Kg	29,7	0	0	
2	Dầu ăn	Lít	10,0	50.000	500.000	
3	Nước mắm	Lít	1,0	13.800	13.800	
4	Mỳ chính	Kg	1,0	55.000	55.000	
5	Bột canh	Kg	2,0	20.000	40.000	

6	Muối trắng	Kg		7.000	-	
7	Nước rửa bát	Lít	3,4	38.000	129.200	
8	Nước lau nhà	Lít	3,6	30.000	108.000	
9	Gas đun bếp	Kg	12,0	36.000	432.000	
10	Mỳ Tôm	Gói	99,0	4.000	396.000	
11	Trứng gà	Quả	99,0	3.300	326.700	
12	Thịt lợn kho	Kg	9,0	120.000	1.080.000	
13	Trứng gà(kho thịt)	Quả	99,0	3.300	326.700	
14	Đường kho thịt	Kg	1,0	25.000	25.000	
15	Bí Xanh (xào)	Kg	10,0	10.000	100.000	
16	Bí đỏ (Canh)	Kg	7,0	10.000	70.000	
17	Củ đậu trắng miệng	Kg	9,2	18.000	165.600	
18	Gà rang xả ớt	Kg	12,0	80.000	960.000	
19	Đậu phụ chiên	Kg	10,0	20.000	200.000	
20	Bầu (Canh)	Kg	7,2	10.000	72.000	
21	Dưa Hấu trắng miệng	Kg	8,0	20.000	160.000	
22	Củ xà	Kg	1,0	20.000	20.000	
23	Hành khô	Kg		40.000	-	
24	Ớt tươi	Kg	0,6	45.000	27.000	
25	Tỏi	Kg		40.000	-	
26	Hành lá	Kg	1,0	40.000	40.000	
					<b>5.247.000</b>	

**BỘ PHẬN NHÀ BẾP**



**Lò Thị Hương**

**THANH TRA NHÂN DÂN**



**Hoàng Thái Bình**

**KẾ TOÁN CÔNG TY**



**Đỗ Thị Thanh Huyền**

**KẾ TOÁN**



**Nguyễn Văn Mười**

**ĐẠI DIỆN NHÀ TRƯỜNG**



**Lưu Văn Khải**



**ĐẠI DIỆN CÔNG TY**

**Dương Anh Tuấn**

